

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1989.

HKTT tại: Xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của chị H: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979. Luật sư Văn phòng Luật sư Bảo Công. Địa chỉ: Thành phố Hải Dương, Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Ngày 27/3/2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được vài tháng nhưng không có hạnh phúc do vợ chồng không có tình cảm, không có sự yêu thương, chia sẻ. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng khuyên bảo nhưng do sự khác biệt về cách sống, không thể hòa hợp nên anh chị đã ly thân sau một thời gian ngắn chung sống. Hiện nay chị H và anh C đều đang lao động tại Nhật Bản. Chị H xác định vợ chồng ly thân đã lâu và chị có trao đổi với anh C về việc ly hôn thì anh C xác định đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng để cả hai ổn định cuộc sống mới. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh C không có con chung nên không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn nhưng không có hạnh phúc nên đã ly thân đến nay. Nguyên nhân do anh chị không hòa hợp, khác biệt về tính cách, không có sự gắn kết, chia sẻ. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nhưng anh chị đều xác định không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng. Hiện anh và chị H đều đang lao động tại Nhật Bản. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh C và chị H không có con chung nên không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh C và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H1 xin vắng mặt tại phiên tòa và có bài phát biểu bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Văn C.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 Luật HN&GD năm 2014, các Điều 149 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Văn C. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Văn C. Chị H và anh C đều là người Việt Nam, có hộ khẩu tại tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần gần nhất anh C xuất cảnh là ngày 03/3/2019. Từ đó đến nay, anh C chưa nhập cảnh lần nào. Các văn bản anh C gửi về gồm Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt toàn bộ giấy tờ này không có chứng thực. Tòa án đã tiến hành giám định dấu vân tay tại các tài liệu của anh C gửi về từ Nhật Bản có điểm chỉ của anh C so với dấu vân tay in trong tờ khai chứng minh nhân dân số 142320521 của anh C và được xác định dấu vân tay của cùng một người theo Kết luận giám định số 13/KLGD-PC09 ngày 08/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hợp pháp.

- Đơn xin ly hôn, Giấy ủy quyền, Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt của chị H vào ngày 07/02/2020 đều có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản nên được công nhận là hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

- Chị Lê Thị H và anh Ngô Văn C hiện nay sinh sống ở Nhật Bản không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bà Phạm Thị M giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

- Bà Phạm Thị M đồng ý nhận ủy quyền của chị H và anh C để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án, bà Mai cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị H và anh C các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn nhưng không có hạnh phúc nên đã ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị không hòa hợp, khác biệt về tính cách. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên nhưng anh chị đều xác định không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng. Hiện anh C và chị H đều đang lao động tại Nhật Bản. Chị H và anh C xác định không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh C cùng xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh C cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Ngô Văn C.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng do chị Phạm Thị M nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0002666 ngày 18/5/2020. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện Cẩm Giàng ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn